

**H**oạt động của con người, chủ thể của cuộc sống xã hội, theo mục đích hoạt động, có thể được chia ra:

- Hoạt động chính trị.
- Hoạt động ngoại giao.
- Hoạt động quân sự, bảo vệ trật tự an ninh.
- Hoạt động kinh tế.
- Hoạt động thể thao.
- Hoạt động văn hóa, nghệ thuật.
- Hoạt động bảo vệ môi trường.
- Các loại hoạt động khác.

Đứng trên phạm vi rộng của hoạt động xã hội thì chủ thể hoạt động kinh tế gọi chung là đơn vị kinh tế (hoặc cơ sở kinh tế) trong đó bao gồm:

- Cá nhân: hoạt động kinh tế tự phát theo nhu cầu bản năng của từng người, gia đình hoặc của từng nhóm người có tài sản, vốn, tự tính lỗ - lãi, tự phân phối, tự quản lý và tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh tế của mình, ngoài sự quản lý kinh tế của nhà nước.

- Doanh nghiệp (DN): là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài sản, có quyền và nghĩa vụ dân sự, hoạt động kinh tế theo chế độ hạch toán độc lập, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh tế trong phạm vi vốn đầu tư do DN quản lý và chịu sự quản lý của nhà nước bằng các loại luật và thuế vụ.

Cả hai loại chủ thể có thể hoạt động độc lập và cũng có thể đan xen lẫn nhau, tác động ảnh hưởng, lôi kéo theo xu hướng về lợi ích riêng của một phía nào đó, nên rất khó quản lý, nhất là đối với việc quản lý hoạt động kinh tế của cá nhân.

Bản chất của hoạt động kinh tế là gì? Bất kỳ đơn vị kinh tế nào muốn tồn tại và phát triển thì:

- Điều kiện cần là phải có vốn đầu tư (vốn cố định, vốn lưu động, vốn con người: bao gồm số lao động năng lực, trình độ lao động và trình độ quản lý).

- Điều kiện đủ là sử dụng các loại vốn đó theo từng tỉ lệ cân đối phù hợp với từng qui trình công nghệ kỹ thuật - quản lý (thực hiện quá trình sản xuất - kinh doanh - dịch vụ) để tạo ra kết quả hoạt động kinh tế phục vụ cho nhu cầu hoạt động xã hội và bản thân đơn vị kinh tế. Với mục đích, kết quả hoạt động thu được phải trang trải lại



# CÓ BAO NHIÊU DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG KINH TẾ?

PTS. TRỊNH THỊ LONG HƯƠNG



toàn bộ chi phí đã bỏ ra, bảo toàn và phát triển được vốn đầu tư và phải có lãi, có ích để tiếp tục phát triển không ngừng.

Ở đây, chúng ta không đi sâu nghiên cứu về hoạt động kinh tế của cá nhân và sự quản lý nó, mà chỉ đi sâu nghiên cứu các loại hình doanh nghiệp mà nhà nước cần phải quản lý được tốt và đầy đủ.

Đứng trên giác độ quản lý DN thì có thể chia các loại DN theo các tiêu thức sau đây:

1. Theo tư cách pháp nhân, chia ra:

- DN nhà nước: là tổ chức kinh tế do nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý, hoạt động kinh tế hoặc hoạt động công ích nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do nhà nước giao, có trụ sở chính trên lãnh thổ VN và thực hiện theo Luật DN nhà nước.

- DN tư nhân: là tổ chức kinh tế do tư nhân đầu tư vốn, tự quản lý được nhà nước cho phép thành lập và được hành nghề (giấy đăng ký kinh doanh) và thực hiện theo Luật DN tư nhân.

Cả 2 loại DN này hoạt động độc lập hoặc liên kết với nhau.

2. Theo mức độ liên kết đầu tư vốn, chia ra:

- DN nhà nước đầu tư vốn 100%, 75%, 50%...

- DN liên doanh với nước ngoài (nước ngoài đầu tư 100%, 75%, 50%, 35% vốn).

3. Trong DN nhà nước đầu tư vốn, theo mức độ cổ phần hóa thì

chia ra:

- DN có cổ phần chi phối của nhà nước: tức là cổ phần của nhà nước chiếm trên 50% (năm mươi phần trăm) trong tổng số cổ phần của DN hoặc cổ phần nhà nước ít nhất gấp hai lần cổ phần của cổ đông lớn nhất khác trong DN.

- DN có cổ phần đặc biệt của nhà nước: tức là trong DN, nhà nước không có cổ phần chi phối, nhưng có quyền quyết định một số vấn đề quan trọng của DN theo thỏa thuận trong điều lệ DN.

4. Đứng trên giác độ lợi ích của xã hội, chia ra:

- DN hoạt động kinh doanh: mục tiêu lợi nhuận là hàng đầu.

- DN hoạt động công ích: mục tiêu sản xuất, cung ứng dịch vụ công cộng theo chính sách của nhà nước là cơ bản, mục tiêu lợi nhuận là thứ yếu.

5. Theo tính chất liên kết của nhiều đơn vị kinh tế thành viên có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, cung ứng, tiêu thụ, dịch vụ... hoạt động trong một hoặc một số chuyên ngành kinh tế kỹ thuật chính, nhằm tăng cường khả năng sản xuất kinh doanh, dịch vụ của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng ngành, khu vực thì chia ra:

- Tổng công ty
- Công ty
- Đơn vị thành viên
- DN độc lập

6. Theo cấp quản lý giấy phép thành lập DN, chia ra:

- DN do Thủ tướng chính phủ quyết định, thành lập.

- DN do Bộ trưởng, bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật quyết định thành lập.

- DN do thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW quyết định thành lập theo ủy quyền của Thủ tướng chính phủ.

- DN do UBND cấp quận (huyện, phường, xã) quyết định thành lập.

7. Theo quản lý lãnh thổ, chia ra:

- DN trung ương.

- DN địa phương (cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW, quận (huyện), phường (xã)).

- DN khu chế xuất.

8. Theo hệ thống phân loại sản phẩm chủ yếu trong xã hội, chia ra:

a. Đối với các loại sản phẩm cần đo, đếm và vận chuyển được, bao gồm các nhóm DN cơ bản sau:

- DN sản xuất, sơ chế sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

- DN khai thác quặng, khoáng sản, diện, ga và nước.

- DN sản xuất, chế biến sản phẩm đồ ăn, đồ uống, hút, sản phẩm da, may mặc, dệt.

- DN sản xuất sản phẩm bằng kim loại, máy móc, thiết bị.

- DN sản xuất sản phẩm có thể vận chuyển khác (loại trừ sản phẩm bằng kim loại, máy móc, thiết bị) như gỗ, bấc, rơm rạ, giấy, ấn phẩm, than cốc, dầu mỏ tinh chế, nhiên liệu hạt nhân, hóa chất, sợi nhân tạo, cao su, chất dẻo, thủy tinh, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, sản phẩm hội họa, phế liệu v.v...

b. Đối với các loại sản phẩm có thể cân đo, đếm được nhưng không vận chuyển được, bao gồm:

- DN thi công và công trình xây dựng nhà, kho bãi, sân chơi, công viên, trường học, bệnh viện v.v...

- DN thi công và công trình xây dựng cầu, đường, cống...

- DN thi công và công trình xây dựng bến cảng, bến xe, sân bay...

- DN thi công các đường dây cáp

điện thoại, ống nước ngầm, cột điện và đường dây điện công cộng...

c. Đối với sản phẩm dịch vụ, bao gồm:

- DN dịch vụ thương mại (kinh doanh hàng hóa).

- DN dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vũ trường, du lịch, karaoke v.v...

- DN dịch vụ vận tải (hàng khách và hàng hóa).

- DN dịch vụ thông tin, liên lạc, bưu điện.

- DN dịch vụ kinh doanh (tài chính, tín dụng ngân hàng; dịch vụ nông nghiệp, khai thác, chế biến; dịch vụ cho thuê mướn TSCĐ; dịch vụ NCKH v.v...)

- DN dịch vụ cá nhân, xã hội và cộng đồng (dịch vụ giáo dục; dịch vụ bảo vệ sức khỏe; dịch vụ vệ sinh, mai táng; dịch vụ giải trí, văn hóa, thể thao; dịch vụ tư pháp, công chứng; dịch vụ ngoại giao; dịch vụ sửa chữa v.v...)

d. Đối với đất đai và tài sản vô hình:

- DN kinh doanh đất đai, địa ốc

- DN kinh doanh bản quyền, nhãn hiệu, bằng sáng chế và các tài sản có vô hình khác.

9. Theo qui mô hoạt động, DN được chia ra:

- DN có qui mô lớn

- DN có qui mô vừa (trung bình)

- DN có qui mô nhỏ

10. Theo tính chất hoạt động kinh tế, chia ra:

- DN hoạt động kinh tế của quốc phòng.

- DN hoạt động kinh tế của dân sự.

- DN hoạt động kinh tế của các tổ chức Đảng, công đoàn, thanh niên, phụ nữ, tôn giáo...

11. Theo chất lượng hoạt động kinh tế của DN, chia ra:

- DN hoạt động có hiệu quả kinh tế và phát triển không ngừng.

- DN hoạt động có hiệu quả kinh tế.

- DN hoạt động không có hiệu quả kinh tế.

- DN bị phá sản, giải thể.

12. Theo thành phần kinh tế chia ra:

- DN quốc doanh.

- DN ngoài quốc doanh.

Như vậy, về bản chất hoạt động kinh tế thì chỉ có 1 loại gọi chung là DN. Về loại hình, đứng trên góc độ quản lý thì đa dạng phong phú trên từng DN cụ thể, các loại hình DN trên được đan xen lẫn nhau. Do đó, để quản lý DN, hiện tại có ba phương thức quản lý cơ bản sau đây:

a. Quản lý theo ngành, bộ về kỹ thuật qui trình công nghệ để định hướng sự phát triển của ngành.

b. Quản lý theo lãnh thổ để định hướng sự phát triển cân đối, hài hòa

giữa các ngành trong từng khu vực, địa phương và giữa các địa phương, khu vực với nhau.

c. Quản lý theo liên ngành để hướng dẫn tất cả loại hình DN phải hoạt động theo các luật kinh tế, luật dân sự, luật lao động, luật bảo vệ môi trường, luật bảo hiểm, luật xuất nhập khẩu, luật phá sản, luật DN nhà nước, luật DN tư nhân v.v... và được điều tiết dưới các sắc luật thuế của nhà nước.

Cho nên, theo bản chất hoạt động kinh tế thì DN phải có nghĩa vụ và thi hành các loại thuế cơ bản sau đây:

- Thuế vốn, tài nguyên, đất đai...(nếu có)



- Thuế doanh thu.

- Thuế gia tăng.

- Thuế lợi tức.

Bên cạnh đó, trên giác độ điều tiết, kích thích sự phát triển hay kiềm hãm sự phát triển DN ở tầm vĩ mô thì nhà nước ban hành thêm các loại thuế đối với DN.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thuế xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Thuế môn bài.

- Thuế chuyển dịch vốn, tài sản.

- Thuế trước bạ.

- Thuế đào tạo, sử dụng lao động.

- Thuế xuất nhập cảnh.

- Thuế kiểm dịch.

- Thuế bảo hộ sản xuất trong nước.

- Thuế nông nghiệp.

- Thuế thu nhập (của DN và cá nhân).

- Các loại chế độ, chính sách ưu đãi, qui định miễn, giảm thuế, tài định dưới luật v.v...

Các loại thuế này được thể chế hóa, cụ thể hóa bằng các loại thuế suất (tỉ suất thuế) theo từng nhóm ngành, mặt hàng, sản phẩm đối với từng loại DN cụ thể.

Như vậy, về nguyên tắc, bất kỳ loại DN nào cũng phải chịu sự quản

lý của 3 nơi: ngành, địa phương và cơ quan thuế. Về lý luận, sự quản lý này là khá chặt chẽ. Nhưng trong thực tế vẫn có nhiều hiện tượng DN trốn thuế, lậu thuế, chất lượng hoạt động của DN các cơ quan quản lý không nắm được, có DN phạm tội, phạm luật, trốn đóng thuế mà cơ quan quản lý ngành hoặc địa phương không biết, hoặc biết chậm hoặc chỉ biết khi bị truy tố v.v...Nguyên nhân tồn tại trong quản lý DN thì có rất nhiều (khách quan và chủ quan). Ở đây chúng ta không đi sâu phân tích các nguyên nhân chủ quan, mà chỉ nêu ra một số vấn đề của nguyên nhân khách quan làm yếu kém sự quản lý DN; đó là:

- Sự liên kết, phối hợp chức năng quản lý DN giữa ba cơ quan quản lý ngành, địa phương và thuế vụ chưa tốt, chưa chặt chẽ, chưa đồng bộ và không liên tục. Trong thực tế, nó thể hiện ở chỗ: các cơ quan quản lý cấp giấy phép thành lập và đăng ký hành nghề lại không theo dõi được quá trình biến động của DN; cơ quan quản lý ngành kỹ thuật lại không vươn tới quản lý được tất cả các loại hình DN (chỉ quản lý DN nhà nước, DN liên doanh, DN có qui mô lớn...) còn cơ quan thuế chỉ lo thu đủ thuế về hình thức mà không đánh giá, phân tích chất lượng hoạt động của DN để đánh giá tính chất thu thuế. Bên cạnh đó, cơ quan thống kê lại không thực hiện được đầy đủ chức năng của mình để phục vụ cho các yêu cầu quản lý, vì các DN không gửi báo cáo thống kê, hoặc gửi không liên tục, hoặc gửi không đầy đủ các chỉ tiêu thống kê cho các cơ quan thống kê.

Các DN không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thống kê cho các cơ quan quản lý, các báo cáo kết quả hoạt động kinh tế gửi các nơi nhận (các cơ quan quản lý) lại không thống nhất về nội dung, chỉ tiêu báo cáo, thời hạn báo cáo và không trên cùng một cơ sở số liệu. Trong thực tế tâm lý chung, DN báo cáo cho cơ quan chủ quản và địa phương là có xu hướng khá quan, phát triển tốt v.v...để tranh thủ sự ủng hộ, tạo uy tín, tạo điều kiện tốt cho DN tồn tại, phát triển và tạo mối quan hệ kinh tế, còn báo cáo cho cơ quan thuế thì có xu hướng không như vậy, thậm chí ngược lại để né tránh thuế, xin giảm, miễn thuế, hoặc do thuế suất khá cao đối với một số sản phẩm, dịch vụ hoạt động không có hiệu quả kinh tế, làm cho DN phải tìm cách lách thuế, lậu thuế, gian lận thuế để tồn tại. Trong khi đó, báo cáo thống kê nội bộ cho giám đốc thì số liệu lại khá trung thực, khách quan đầy đủ, chi tiết về thực trạng của DN. Tâm lý này là nguyên nhân khách quan cơ bản của việc tồn tại hai hoặc nhiều loại số



sách, hồ sơ và số liệu thống kê. Mặt khác cũng phải nhìn nhận thấy rằng yêu cầu đòi hỏi quản lý DN của các cơ quan quản lý cũng không giống nhau. Nó được biểu hiện bằng các biểu mẫu báo cáo thống kê gửi xuống DN không giống nhau. Cho nên, nếu DN thực hiện đầy đủ các biểu mẫu báo cáo của các cơ quan quản lý thì thực tế DN phải tăng khối lượng, tăng thời gian làm báo cáo, mặc dù thực chất mục đích báo cáo chỉ đòi hỏi về kết quả hoạt động kinh doanh của DN, cho nên DN chỉ tập trung làm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh lên cơ quan thuế. Từ đó, việc đánh giá chất lượng hoạt động của DN do cơ quan quản lý thực hiện có khác nhau, làm cho tính mâu thuẫn của số liệu gia tăng, thậm chí làm vô hiệu hóa số liệu báo cáo.

DN là nơi phát sinh số liệu thống kê, nhưng trong nội bộ từng DN, mối liên hệ giữa các phòng ban nghiệp vụ không chặt chẽ, không hỗ trợ nhau để tạo nên một hệ thống số liệu thống kê thống nhất, hệ thống chỉ tiêu thống kê đồng bộ làm cho hệ thống thông tin kinh tế không thông suốt, liên tục. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khách quan làm cho số liệu thống kê không đầy đủ chính xác và toàn diện, ảnh hưởng đến chất lượng của các báo cáo thống kê gửi các cơ quan quản lý. Mặt khác, bản thân DN quyết toán báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thường không đúng thời hạn và cơ quan thuế kiểm tra quyết toán cũng không đúng theo niên độ tài chính làm nảy sinh hiện tượng không ít ở DN, là khi nào cơ quan thuế xuống kiểm tra quyết toán, thì DN mới làm quyết toán nên không tránh khỏi sự cấp rập, đối phó, bất cần đối do mang tính chủ quan.

Để lập lại trật tự một cách khách quan trong quản lý DN, thì cần phải hoàn thiện một số vấn đề sau đây:

- Trong từng DN phải hình thành và hoàn thiện hệ thống thông

tin kinh tế, trong đó đặc biệt là hệ thống thông tin thống kê để tạo lập 1 hệ thống số liệu thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê của DN, để làm cơ sở thiết lập các báo cáo thống kê gửi các cơ quan quản lý DN. Các báo cáo phản ánh kết quả hoạt động và hiệu quả hoạt động của DN gửi các nơi nhận phải theo đúng chế độ báo cáo thống kê đã qui định về thời gian báo cáo, nội dung báo cáo, chỉ tiêu báo cáo, số liệu báo cáo phù hợp với từng yêu cầu quản lý.

DN ngoài việc gửi báo cáo thống kê lên các cơ quan quản lý thì phải gửi thêm báo cáo cho các cơ quan thống kê nhà nước, để các cơ quan thống kê có điều kiện phân tích, xử lý số liệu thống kê, đánh giá chất lượng hoạt động của DN, phục vụ nhu cầu quản lý cho các cơ quan quản lý DN một cách kịp thời, khách quan và chính xác.

- Định kỳ các cơ quan chủ quản, quản lý ngành địa phương phải cùng với cơ quan thuế, cơ quan thống kê xuống DN để duyệt quyết toán tài chính, kết quả hoạt động của DN, kiểm tra tình hình thực hiện chế độ báo cáo thống kê, ghi chép sổ sách kế toán, chứng từ, lưu trữ...Không nên chỉ để một mình cơ quan thuế đi duyệt quyết toán tài chính như hiện nay để từng bước tránh các tiêu cực chủ quan. Có như vậy mới nâng cao và củng cố sự phối hợp quản lý DN giữa các cơ quan quản lý, đồng thời thống nhất về cách đánh giá chất lượng hoạt động của DN.

- Bản thân từng DN phải chủ động định kỳ tổng kết đánh giá kết quả hoạt động của mình, tiến tới tự phân tích đánh giá chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh để đối chiếu với các kết quả đánh giá chất lượng hoạt động của DN ở các cơ quan quản lý, nhất là cơ quan thống kê. Đó là điều kiện để buộc DN với các cơ quan thống kê có mối quan hệ mật thiết với nhau.